

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 621/2024/HC-PT

Ngày 21 tháng 11 năm 2024

V/v khiếu kiện quyết định

hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Trần Quang Minh;
Ông Võ Hồng Sơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Bùi Ngọc Tân, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 404/2024/TLPT-PT ngày 06 tháng 9 năm 2024 về việc khởi kiện “Khiếu kiện Quyết định hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2024/HC-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12317/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Tổ XX phố Thi Đ, phường Tiên C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1: Ông Đỗ Cao V1, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Phường Tân D, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; địa chỉ: Đại lộ Hùng V2, phường Tiên C, Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc S1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Xuân H1 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì; vắng mặt.

2.2. Ủy ban nhân dân phường Tiên C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; địa chỉ: phường Tiên C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh T2 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Tiên C; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Q1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Tiên C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ XY phố Thi Đ, phường Tiên C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Đỗ Cao V1, sinh năm 1962; địa chỉ: Phường Tân D, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

3.2. Ông Nguyễn Tiến N1, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ XY phố Thi Đ, phường Tiên C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N1: Bà Nguyễn Thị Hồng S2, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ XY phố Thi Đ, phường Tiên C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.3. Ông Nguyễn Ngọc T3, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ XY phố Thi Đ, phường Tiên C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

3.4. Ông Nguyễn Việt H2, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ XY phố Thi Đ, phường Tiên C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

3.5. Bà Nguyễn Thị Kim Q2, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ XY phố Thi Đ, phường Tiên C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Q2 là: Ông Nguyễn Ngọc T3, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ XY phố Thi Đ, phường Tiên C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

3.6. Cụ Nguyễn Thị H3, sinh năm 1930; địa chỉ: Tổ XY phố Thi Đ, phường Tiên C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Cụ H3 chết ngày 14/8/2021. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ H3 đồng thời là đương sự trong vụ án:

- Ông Nguyễn Việt H2, sinh năm 1959;
- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1961;
- Bà Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 1963;
- Ông Nguyễn Tiến N1, sinh năm 1967;
- Bà Nguyễn Thị Kim Q2, sinh năm 1969;
- Ông Nguyễn Ngọc T3, sinh năm 1974.

3.7. Bà Vũ Thị Thanh M, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ XY phố Thi Đ, phường Tiên C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

3.8. Phòng công chứng số 1 tỉnh Phú Thọ; địa chỉ: Đường Nguyễn Tất Thành, phường Tân D, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo pháp luật: Bà Đào Thị Hồng N2 – Trưởng Phòng công chứng số 1 tỉnh Phú Thọ; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Ngọc T3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị T1 và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Đỗ Cao V1 trình bày: Bố mẹ bà T1 là cụ Nguyễn Văn H4 (đã chết năm 2014) và cụ Nguyễn Thị H3. Cụ H4 và cụ H3 có 06 người con bao gồm: Bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Việt H2, ông Nguyễn Ngọc T3, ông Nguyễn Tiến N1, bà Nguyễn Thị Mai L, bà Nguyễn Thị Kim Q2.

Sau khi bố bà chết, mẹ bà cùng các anh chị em trong gia đình đã thống nhất phân chia tài sản chung của bố mẹ bà là quyền sử dụng đất như sau: Bà Nguyễn Thị Mai L, ông Nguyễn Tiến N1, bà Nguyễn Thị T1 được 96m² đất trong đó có 50m² đất ở, còn lại là đất vườn. Ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Vũ Thị Thanh M được 122,1m² trong đó có 50m² đất ở còn lại là đất vườn là phần của ông T3 được hưởng và phần của ông H2, bà Q2, cụ H3 cho ông T3. Nội dung thỏa thuận đã được lập thành văn bản và được Tư pháp, địa chính phường Tiên C hướng dẫn làm các thủ tục theo quy định để làm Biên bản thỏa thuận. Tuy nhiên, sau đó chính các cán bộ địa chính này đã hướng dẫn ông T3, bà M, cụ H3 làm toàn bộ thủ tục để Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 803407 ngày 05/10/2021 đối với thửa đất số 160, tờ bản đồ số 24, diện tích 218,1m² ở tổ XY, Khu Thi Đ, phường Tiên C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đứng tên ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Vũ Thị Thanh M. Nay, bà khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 803407 ngày 05/10/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 160, tờ bản đồ 24, diện tích 218,1m² đứng tên ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Vũ Thị Thanh M tại địa chỉ: Khu Thi Đ, phường Tiên C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân phường Tiên C bồi thường thiệt hại về tinh thần do hành vi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 160, tờ bản đồ 24, diện tích 218,1m² tại địa chỉ: Tổ XY Khu Thi Đ, phường Tiên C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ trái pháp luật đối với bà là 150.000.000 đồng và bồi thường về sức khỏe do bị thiệt hại cho bà là 2.293.687 đồng, tổng cộng: 152.293.687 đồng.

Người bị kiện UBND thành phố Việt Trì có quan điểm trình bày:

Bà Nguyễn Thị T1 khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 803407 do Ủy ban nhân dân

thành phố Việt Trì cấp ngày 05/10/2021 đứng tên ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Vũ Thị Thanh M (thửa đất số 160, tờ bản đồ số 24, diện tích 218,1m²; địa chỉ: Tổ XY, phố Thi Đ, phường Tiên C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ).

Theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các ông bà thể hiện:

- Ngày 13/4/21991, Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A482071 tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 08, diện tích 772m² (đất ở 300m², đất vườn 472m²) mang tên cụ Nguyễn Văn H4, nguồn gốc đất ông cha để lại.

- Ngày 20/4/2004, cụ H4 và cụ H3 lập hợp đồng chuyển nhượng 103,7m² đất ở cho bà Dương Thị Thiều. Ngày 20/8/2004, Ủy ban nhân dân Việt Trì cấp đổi Giấy chứng nhận AA136247 tại thửa đất số 160, tờ bản đồ số 24, diện tích 677,8m² (đất ở 196,3m², đất vườn 481,5m²) mang tên chủ hộ Nguyễn Văn H4 cấp đổi phần diện tích còn lại và phần tăng thêm do đo đạc 9,5m².

- Ngày 23/02/2006, cụ H4 và cụ H3 đã lập hợp đồng cho con là ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Nguyễn Thị Mai L 176m², phần diện tích còn lại là 501,8m² (đất ở 66m², đất vườn 435,8m²) được UBND thành phố cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ793443.

- Ngày 27/8/2009, cụ H4 và cụ H3 lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho con trai là Nguyễn Việt H2 229,4m² (đất ở 66m², đất vườn 163,4m²). Phần diện tích còn lại 223,7m² đất vườn được Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 615067 ngày 04/12/2009.

- Ngày 19/5/2021, các con của cụ H4 và cụ H3 lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Phú Thọ, trong đó để lại toàn bộ đất cho cụ H3; cụ H3 thực hiện đăng ký biến động đất đai đối với tài sản của mình và được chỉnh lý biến động tại trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp ngày 17/6/2021.

Cụ H3 sau đó nộp hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng từ đất vườn sang đất ở 100m² và đã được cấp giấy chứng nhận quyền đất. Sau đó, cụ H3 có lập hợp đồng tặng cho con trai và con dâu là ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Vũ Thị Thanh M ngày 31/8/2021. Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ; ngày 05/10/2021, Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 803407 cho ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Vũ Thị Thanh M (thửa đất số 160, tờ bản đồ số 24, diện tích 218,1m² địa chỉ tổ XY, phố Thi Đ, phường Tiên C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ).

Toàn bộ quá trình nhận hồ sơ và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật. Việc đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là không có cơ sở.

Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ căn cứ vào các quy định hiện hành, chỉ đưa Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không phải người bị kiện như thông báo thụ lý; Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì xin vắng mặt trong toàn

bộ quá trình giải quyết. Sau khi có kết quả giải quyết, Ủy ban nhân dân thành phố sẽ thực hiện các nội dung bản án theo quy định.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân phường Tiên C trình bày: Ngày 19/3/2021, các ông bà T1, Lương, Nghị có đơn gửi đến Ủy ban nhân dân phường Tiên C với nội dung đề nghị về việc ông Nguyễn Ngọc T3 là em trai út trong gia đình đã xây dựng nhà ở trên diện tích đất vườn của cụ Nguyễn Văn H4 và cụ Nguyễn Thị H3 là bố, mẹ đẻ của các ông bà. Ủy ban nhân dân phường đã kiểm tra và cho dừng xây dựng công trình đối với ông Nguyễn Ngọc T3.

Ngày 08/4/2021, Ủy ban nhân dân phường nhận được đơn của cụ H3 đề nghị về việc chia tài sản cho các con là thửa đất vườn có diện tích 223,7m². Các ngày sau đó bà L, bà S2 (vợ ông N1) trực tiếp đến Ủy ban nhân dân phường đề nghị giải quyết việc phân chia tài sản cho các thành viên trong gia đình.

Công chức địa chính của Ủy ban nhân dân phường đã kiểm tra thực tế tại thửa đất thì tất cả diện tích của thửa đất là đất vườn, theo quy định của Luật đất đai thì đất vườn không thể chia tách được cho các con mà các ông bà T1, Lương, Nghị đều có nguyện vọng được chia thừa kế bằng quyền sử dụng đất.

Vì các thành viên trong gia đình bà H3 không có sự đoàn kết, thống nhất nên Ủy ban nhân dân phường đã giải thích cho gia đình được biết về việc đất vườn thì không thể chia tách được cho các con. Nên các thành viên trong gia đình phải về thỏa thuận, bàn bạc, thống nhất làm thủ tục phân chia di sản thừa kế để cụ Nguyễn Thị H3 đứng tên và làm thủ tục chuyển đổi mục đích đất vườn sang đất ở thì mới chia cho các con được. Sau đó, cụ H3 và các con đã đồng ý mời phòng công chứng làm văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế cho gia đình cụ H3 có mặt đầy đủ các con đồng thuận ký để cụ H3 đứng tên và làm thủ tục chuyển đổi mục đích đất vườn sang đất ở để sau đó còn chia tách đất cho các con. Gia đình cụ H3 và các con đã thống nhất sau khi cụ H3 làm thủ tục chuyển đổi mục đích 100m² đất vườn sang đất ở sẽ tách cho ông T3 50m² đất ở và 77,7m² đất vườn, tách cho bà T1, bà L, ông N1 đồng sở hữu 50m² đất ở và 46m² đất vườn. Các ông bà cùng thống nhất nghĩa vụ nộp thuế chuyển đổi mục đích đất vườn sang đất ở. Ông T3 có trách nhiệm phải nộp thuế cho nhà nước phần 50m² đất vườn chuyển đổi sang đất ở của ông T3. Bà T1, bà L, ông N1 có trách nhiệm nộp tiền thuế cho Nhà nước phần 50m² đất vườn chuyển đổi sang đất ở của các ông bà. Việc gia đình cụ H3 và các con thống nhất cho cụ H3 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia tách cho các con là việc riêng trong gia đình cụ H3. Ủy ban nhân dân phường Tiên C chỉ giải thích chứ không có quyền can thiệp và không liên quan đến việc thỏa thuận trong gia đình cụ H3. Sau khi cụ H3 đứng tên chủ sử dụng thửa đất; cụ H3 làm thủ tục tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất cho ông T3 được lập ở Phòng công chứng. Cụ H3 và ông T3 không làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân phường và Ủy ban nhân dân phường không làm thủ tục hồ sơ cho tặng quyền sử dụng đất nên Ủy ban nhân dân phường không được biết và không liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Ngọc T3.

Ủy ban nhân dân phường không có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không thể có hành vi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 160, tờ bản đồ 24, diện tích 218,1m² tại địa chỉ tổ XY,

phố Thi Đ, phường Tiên C, thành phố Việt Trì trái pháp luật. Nên không có căn cứ để Ủy ban nhân dân phường bồi thường thiệt hại về tinh thần do hành vi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ủy ban nhân dân phường Tiên C, thành phố Việt Trì xin giải quyết vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Vũ Thị Thanh M (Vợ ông T3), bà Q2 thống nhất trình bày:

Về quan hệ huyết thống: Bố mẹ là cụ Nguyễn Văn H4 (đã chết 2014) và cụ Nguyễn Thị H3 (sinh năm 1930). Cụ H4 và cụ H3 sinh được 06 người con là: bà T1, bà L, ông T3, ông H2, ông N1 và bà Q2.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T1 thì ông, bà không nhất trí với lý do là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì đã cấp cho gia đình ông T3 thì ông T3 đã làm đầy đủ thủ tục giấy tờ để được Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (hiện hồ sơ được lưu giữ tại Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì). Đối với khoản tiền chuyển mục đích quyền sử dụng đất là 180.000.000đ và san ủi đất hết 200.000.000đ là khoản tiền của vợ chồng ông T3.

Về tài sản trên đất hiện có 01 ngôi nhà cấp bốn lợp ngói đỏ gắn liền với bếp và công trình phụ; tài sản này là do vợ chồng ông T3 và bà M xây dựng. Đối với hệ thống tường rào là do vợ chồng ông T3 và bà M xây dựng; chỉ có 01 phần tường rào trước nhà và một số cây cối là của của bố mẹ ông.

Tại Biên bản họp gia đình ngày 30/4/2021 và 02 văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 19/5/2021 đều là chữ ký và chữ viết của ông, mục đích là để chuyển sang cho mẹ ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để sau đó mẹ ông tặng cho quyền sử dụng đất đó cho vợ chồng ông T3.

Theo bà Nguyễn Thị Hồng S2 (đại diện theo ủy quyền của ông N1) và bà Nguyễn Thị Mai L trình bày: Bố bà là cụ Nguyễn Văn H4, mẹ bà là cụ Nguyễn Thị H3 có thửa đất đứng tên hộ cụ H4, cụ H3 số AM 615067 ngày 04/12/2009, thửa số 160, tờ bản đồ 24, diện tích 223,7m², nguồn gốc đất ông cha để lại đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bố bà chết không để lại di chúc, ông T3 đã mua gạch và tôn xây chiếm một nửa để sử dụng. Ngày 10/3/2021, ông T3 gọi địa chính vào đo; ngày 19/3/2021, các bà làm đơn ra phường không đồng ý chia mảnh đất này. Ngày 08/4/2021, cụ H3 làm đơn ra phường do tuổi cao sức yếu chia thửa đất vườn có diện tích 223,7m² chia đều cho các con. Ngày 15/4/2021, phường có gọi anh chị em nhà bà ra hòa giải. Ngày 30/4/2021, anh chị em bà đã họp gia đình tại nhà cụ H3, có ông Lưu Phi H5 - Trưởng khu đến dự họp và lập biên bản anh em bà thống nhất chia làm 7 phần; Biên bản do ông Lưu Phi H5 trưởng khu viết và ký tên.

Ngày 19/5/2021, Tư pháp phường vào hướng dẫn anh em bà làm văn bản phân chia di sản thừa kế tại nhà cụ H3 đã lập 2 bản; bản thứ nhất ông Nguyễn Ngọc T3 được sử dụng 127,7m² và bà T1, bà L, ông N1 được hưởng 96m². Sau đó, Tư pháp phường có giải thích cho anh em bà vì đất vườn không tách được và làm một văn bản ủy quyền cho cụ H3 đứng ra làm mục đích chuyển đổi 100m² đất ở (ông T3 50m² đất ở; bà T1, bà L, ông N1 50m² đất ở). Ngày 05/7/2021, Tư pháp và địa chính phường gọi anh em bà ra nộp tiền dấu công chứng 5.400.000

đồng, bên anh em bà đã nộp 2.700.000 đồng cho bà D2 Tư pháp và 30.000.000 đồng tiền ra bìa đất của cụ H3. Anh em bà đã nộp cho ông T4 địa chính phường là 10.000.000 đồng; ngày 8/9/2021, ông T4 thông báo thuế, chuyển đổi mục đích sử dụng đất là 90.000.000 đồng (không có hóa đơn) nên bà không nộp. Ngày 20/8/2021, đã nộp tiền thuế chuyển đổi mục đích đất. Ngày 30/8/2021, cụ H3 đã có bìa mới và không thực hiện cam kết ngày 06/8/2021. Ngày 31/8/2021, ông T3 đưa cụ H3 ra công chứng làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông T3 và bà M. Ngày 24/6/2021, ông T3 đã xây dựng nhà ở trên diện tích đất 127,7m² anh em bà đã nhiều lần ra phường đề nghị không cho xây nhưng không được giải quyết. Đến ngày 19/7/2021, các bà làm đơn đề nghị đình chỉ xây trái phép của ông T3 thì phường mới giải quyết.

Bà đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T1 hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 803407 ngày 05/10/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì đối với thửa đất 160, tờ bản đồ 24, diện tích 281,1m² đứng tên ông T3 và bà M.

Ngoài ra, người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Mai L là ông Đỗ Cao VI trình bày bổ sung: Yêu cầu Ủy ban nhân dân phường Tiên C bồi thường thiệt hại về tinh thần là 150.000.000 đồng và bồi thường về sức khỏe do bị thiệt hại cho bà là 2.293.687đ; tổng cộng: 152.293.687đ.

Ông Nguyễn Việt H2 trình bày: Bố mẹ ông là cụ Nguyễn Văn H4 và cụ Nguyễn Thị H3. Hai cụ sinh được 06 người con là: Ông Nguyễn Việt H2, sinh năm 1959; bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1961; bà Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 1963; ông Nguyễn Tiến N1, sinh năm 1966; bà Nguyễn Thị Kim Q2, sinh năm 1969; ông Nguyễn Ngọc T3, sinh năm 1974. Ngoài ra, hai cụ không có con riêng, con nuôi nào khác, bố mẹ đẻ của cụ H4 đều đã mất. Bố ông mất không để lại di chúc hay bất kỳ giấy tờ gì.

Về nguồn gốc của thửa đất 160, tờ bản đồ 24, diện tích 218,1 m² đứng tên ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Vũ Thị Thanh M là của cụ H4 và cụ H3. Bố mẹ ông sử dụng thửa đất từ lâu và đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do ông đi công tác nên không biết thời gian nào. Đến khoảng giữa năm 2014, thì ông bà có cho ông diện tích đất trên. Do điều kiện hoàn cảnh, ông có ý kiến với 02 cụ, còn 01 mảnh vườn thì để làm nhà cho 02 cụ nhưng chưa làm nhà trên đó.

Theo ý nguyện của cụ H4, cụ H3 ông trả lại diện tích đất vườn cho 02 cụ để làm nhà thờ. Sau đó, ông đã cắt trả lại và làm bìa cho 02 cụ mảnh đất vườn này; các cụ bảo dựng lại ngôi nhà để làm nơi thờ cúng; các cụ bảo nay mai con cái, các cháu đưa nào làm ăn thất thoát thua lỗ thì để cho một phần để ở. Trong khi đó, ông N1 đã được 02 miếng đất, ông T3 cũng được 02 miếng đất. Nhưng ông T3 do làm ăn thua lỗ nên bán hết nhà cửa và cả 02 miếng đất này; do đó, ông T3 không có chỗ ăn chỗ ở, ông là con trưởng được hai cụ giao quyết định nên đã cho ông T3 một phần để làm nơi ở. Ông đã họp anh em trong gia đình có người nhất trí, có người không nhất trí, cụ H3 nhất trí như nội dung đó. Do ông tuổi cao sức yếu, ông để cho ông T3 trực tiếp chăm sóc cụ H3. Sau khi họp gia đình xong, ông có đưa bìa đất vườn cho ông T3 để ông T3 cắt một phần đất để làm nhà; mảnh đất này đầu to, đầu bé. Sau đó, ông T3 làm thủ tục chuyển đổi

đất vườn sang đất ở và làm nhà trên đó. Việc ông T3 đã được Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này ông không được biết; phần ông cho ông T3 đã có ranh giới rõ ràng, không có ý kiến gì.

Đối với hiện trạng của thửa đất này từ khi bố mẹ ông sử dụng cho đến nay không có thay đổi gì, không ai tôn tạo cải tạo đất gì. Đối với tài sản trên đất, có 01 ngôi nhà cấp 4 do ông T3 xây dựng, hiện ông T3 đang là người quản lý sử dụng. Đối với cây cối hoa màu khác hiện ông T3 đã chặt hết, còn cây cối còn lại trên đó hiện là tài sản của ông T3. Bà T1 khởi kiện ông không liên quan, quan điểm của ông là bố mẹ cho ai thì người đó được sử dụng; ông từ chối tham gia tố tụng.

Phòng công chứng số 1 tỉnh Phú Thọ trình bày: Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ là một đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ có trụ sở, có con dấu và tài khoản riêng. Người đại diện theo pháp luật của Phòng Công chứng là Trưởng phòng.

Phòng Công chứng số 1 - Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ cung cấp toàn bộ hồ sơ có liên quan (đóng dấu treo của Phòng công chứng); cung cấp 01 bản sao văn bản công chứng được lưu tại Phòng công chứng và có quan điểm đối với văn bản phân chia di sản thừa kế được công chứng viên Phòng Công chứng số 1- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ chứng nhận ngày 19/5/2021, chứng nhận số 1083, quyền số 02/2021 như sau:

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, Công chứng viên Phòng Công chứng số 1 tỉnh Phú Thọ tiếp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Việt H2 về việc công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đối với phần di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 160, tờ bản đồ số 24 địa chỉ thửa đất phố Thi Đ, phường Tiên C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Tại hồ sơ thể hiện giấy tờ tùy thân, sổ hộ khẩu, các giấy tờ chứng minh người để lại di sản, giấy tờ chứng minh người hưởng di sản thừa kế; giấy tờ chứng minh di sản/ tài sản. Phòng Công chứng đã thực hiện việc niêm yết theo quy định và thực hiện việc phân chia phân di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm chứng nhận, những người tham gia giao kết có năng lực hành vi dân sự; mục đích, nội dung của thỏa thuận không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội; các bên đều đã được giải thích, đều hiểu rõ ý nghĩa, hậu quả pháp lý của việc ký văn bản và đã ký tên, điểm chỉ ngón trỏ phải vào trang thứ 3 của văn bản công chứng. Riêng bà H3 do không ký được đã điểm chỉ ngón trỏ phải vào từng trang của văn bản, trước sự chứng kiến của người làm chứng, của công chứng viên. Người làm chứng đã ký, ghi rõ họ tên vào trang cuối của văn bản đúng quy định. Do đó, Công chứng viên phòng Công chứng số 1 đã ký vào từng trang, ký và đóng dấu vào trang thứ 5 của văn bản phân chia di sản thừa kế. Việc chứng nhận văn bản phân chia di sản thừa kế, chứng nhận số 1083, quyền số 02/2021 hoàn toàn đúng quy định.

Phòng Công chứng khẳng định: Ngày 19/5/2021, Công chứng viên phòng Công chứng chứng nhận duy nhất 01 văn bản công chứng (được sao gửi kèm theo). Ngoài ra, không chứng nhận bất kỳ văn bản có nội dung nào khác đối với văn bản công chứng chứng nhận số 1083, quyền số 02/2021.

Hiện tại Phòng Công chứng số 1 chỉ có duy nhất 01 công chứng viên do đó đề nghị Tòa án được vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện và người ủy quyền của người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu Ủy ban nhân dân phường Tiên C bồi thường thiệt hại về tinh thần là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và bồi thường về sức khỏe do bị thiệt hại cho bà là 2.293.687đ (Hai triệu, hai trăm chín mươi ba nghìn, sáu trăm tám mươi bảy đồng). Tổng cộng: 152.293.687đ (Một trăm năm mươi hai triệu, hai trăm chín mươi ba nghìn, sáu trăm tám mươi bảy đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, người liên quan, người ủy quyền của người liên quan (bà S2) xin rút tài liệu là văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, biên lai thu tiền phí, lệ phí... do bà S2 giao nộp ngày 21/5/2024.

Quá trình giải quyết tại Tòa án cụ Nguyễn Thị H3 đã chết vào ngày 14/6/2024. Tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Mai L đều xác nhận cụ H4 và cụ H3 chỉ có 06 người con gồm: ông H2, bà T1, bà L, ông N1, bà Q2, ông T3. Ngoài ra không có người con đẻ, con nuôi nào khác. Còn bố mẹ của cụ H3 đã chết từ lâu các bà không biết.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2024/HC-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 193, Điều 158 Luật tổ tụng hành chính; Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613; Điều 623, Điều 649 Bộ luật dân sự; Điều 188 Luật đất đai; khoản 2 Điều 27 Luật 47 Luật Công chứng; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 803407 ngày 05/10/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 160, tờ bản đồ 24, diện tích 218,1m² đứng tên ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Vũ Thị Thanh M tại địa chỉ: khu Thi Đ, phường Tiên C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

[2]. Đình chỉ đối với nội dung yêu cầu của bà Nguyễn Thị T1 về việc buộc Ủy ban nhân dân phường Tiên C phải bồi thường thiệt hại về tinh thần và sức khỏe cho bà là tổng cộng: 152.293.687đ (Một trăm năm mươi hai triệu, hai trăm chín mươi ba nghìn, sáu trăm tám mươi bảy đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 19/8/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc T3 có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, không hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số

DB 803407 ngày 05/10/2021 đối với thửa đất 160, tờ bản đồ 24, diện tích 218,1m² đứng tên ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Vũ Thị Thanh M.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc T3 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, không hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 803407 ngày 05/10/2021 đối với thửa đất 160, tờ bản đồ 24, diện tích 218,1m² đứng tên ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Vũ Thị Thanh M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc T3 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Ngày 07/8/2023, bà Nguyễn Thị T1 khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 803407 ngày 05/10/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì cấp cho ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Vũ Thị Thanh M; yêu cầu bồi thường thiệt hại về tinh thần. Khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định của Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu Ủy ban nhân dân phường Tiên C bồi thường thiệt hại về tinh thần là 150.000.000 đồng và bồi thường về sức khỏe do bị thiệt hại cho bà Nguyễn Thị T1 là 2.293.687 đồng; tổng cộng: 152.293.687 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ đối với nội dung yêu cầu của bà Nguyễn Thị T1 về việc buộc Ủy ban nhân dân phường Tiên C phải bồi thường thiệt hại về tinh thần và sức khỏe cho bà T1 tổng cộng: 152.293.687 đồng là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Xem xét tính hợp pháp của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì cấp cho ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Vũ Thị Thanh M.

[2.1]. Về thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định tại Điều 105 Luật đất đai.

[2.2]. Về nội dung: Về nguồn gốc thửa đất số 160 mà ông T3, bà M đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trong đó có 100m² đất ở và 118,1m² đất trồng cây lâu năm

là tài sản chung của cụ H3 và cụ H4. Trên cơ sở văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 19/5/2021 được chứng nhận tại Phòng công chứng số 1 thuộc Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ, cụ H3 được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt toàn bộ diện tích quyền sử dụng đất là tài sản chung của cụ H4, cụ H3. Sau đó, cụ H3 đã làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất từ đất vườn sang đất ở 100m² (trong tổng số 218,1m² đất vườn) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/8/2021; ngày 31/8/2021, cụ H3 lập Hợp đồng tặng cho thừa đất nêu trên cho vợ chồng ông T3, bà M. Ông T3, bà M đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 803407 ngày 05/10/2021 thừa đất số 160, tờ bản đồ số 24, diện tích 218,1m² đất (trong đó có 100m² đất ở và 118,1m² đất trồng cây lâu năm).

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của ông T3, bà T1, bà L, ông H2 đều thừa nhận bố mẹ của các ông, bà có thừa đất số 160, tờ bản đồ số 24 diện tích 223,7m² đất vườn (diện tích đo thực tế là 218,1m²) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/12/2009 đứng tên cụ H4 và cụ H3. Năm 2014, cụ H4 chết không để lại di chúc; cụ H3 và các con thống nhất sẽ tách thừa đất nêu trên thành 02 thửa: ông Nguyễn Ngọc T3 được sử dụng 127,7m² và bà T1, bà L, ông N1 được đồng sử dụng diện tích 96m².

Theo quy định của Luật đất đai và Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các quyết định quy định cụ thể về quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn tỉnh Phú Thọ tại điểm b khoản 1 Điều 3 quy định: *“Thửa đất nông nghiệp được tách thửa phải đảm bảo các thửa đất mới được hình thành sau khi tách thửa có diện tích tối thiểu như sau: - Đất trồng lúa, cây trồng cây hàng năm khác còn lại, đất trồng cây lâu năm, đất nông nghiệp khác: 200m²...”*.

Và tại khoản 1 Điều 6 quy định: *“Diện tích, kích thước tối thiểu được tách thửa đối với đất ở :1. Thửa đất ở chỉ được tách thửa khi diện tích của các thửa đất hình thành sau khi tách từ thửa đất đó không nhỏ hơn 50 (năm mươi) mét vuông và đảm bảo kích thước tối thiểu của chiều rộng, chiều sâu của thửa đất không nhỏ hơn 4,0m.*

2. Trường hợp người sử dụng đất xin tách thửa đất thành các thửa đất có diện tích, kích thước nhỏ hơn diện tích, kích thước tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời với việc xin được hợp các thửa đất đó với thửa đất khác liền kề để tạo thành thửa đất ở mới có diện tích, kích thước bằng hoặc lớn hơn diện tích, kích thước tối thiểu được tách thửa (đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều này) thì được phép tách thửa đồng thời với việc hợp thửa và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Như vậy, theo quy định nêu trên thì thửa đất số 160 không đủ điều kiện để chia tách thành 02 thửa. Vì vậy, cụ H3 và các con đã thống nhất làm thủ tục phân chia di sản thừa kế để cụ H3 đứng tên và làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất từ đất vườn sang đất ở thì mới thực hiện được việc chia tách đất cho các con thành 02 thửa: Ông T3 50m² đất ở và 77,7m² đất vườn; bà T1, bà L, ông N1 đồng sử dụng 50m² đất ở và 46m² đất vườn. Việc cụ H3 và các con của cụ H3 làm văn bản thỏa thuận mục đích là hợp thức 100m² đất vườn thành đất ở của thửa đất 160, sau đó sẽ chia tách thành 02 thửa cho các con, điều này cũng

phù hợp với lời trình bày và thừa nhận của các đương sự. Mặt khác, tại Đơn cam kết của cụ H3 đề ngày 06/8/2021(BL 27) thể hiện: “...Hiện nay, tôi đang hoàn thiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất 100m² đất trồng cây lâu năm sang đất ở. Sau khi thực hiện xong thủ tục chuyển mục đích thì thửa đất của tôi tại thửa đất số 160, tờ bản đồ số 24, diện tích 218,1m², mục đích sử dụng là 100m² đất ở và 118,1m² đất trồng cây lâu năm.

Sau khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới tôi sẽ thực hiện tách thửa đất này thành hai thửa đất và tặng cho con, cụ thể như sau:

+ Thửa thứ nhất: Diện tích 96m² (trong đó: 50m² đất ở và 46m² đất trồng cây lâu năm), chủ sử dụng đất là: Bà Nguyễn Thị T1 cùng đồng sử hữu là bà Nguyễn Thị Mai L và ông Nguyễn Tiến N1.

+ Thửa thứ hai: Diện tích 122,1m² (Trong đó: 50m² đất ở và 72,1m² đất trồng cây lâu năm) chủ sử dụng đất là: ông Nguyễn Trọng Tấn”.

Bản cam kết có chứng thực số 996 quyền số 01-SCT/CK,ĐC tại Ủy ban nhân dân phường Tiên C.

Ngày 30/8/2021, cụ H3 được Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 982236 đối với thửa đất số 160, tờ bản đồ số 24, diện tích 218,1m² trong đó (đất ở: 100m²; đất trồng cây lâu năm 118,1m²). Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ H3 không thực hiện như cụ và các con của cụ đã thỏa thuận và Bản cam kết ngày 06/8/2021 là sẽ chia tách thửa đất thành 02 thửa. Ngày 31/8/2021, cụ H3 làm hợp đồng tặng cho ông T3 và bà M toàn bộ quyền sử dụng đất thửa đất số 160, tờ bản đồ số 24, diện tích 218,1m². Như vậy, thực tế là cụ H3 có nguyện vọng chia di sản thừa kế là thửa đất số 160 cho các con; do không đủ điều kiện để chia tách thành 02 thửa, nên cụ H3 và các con mới đồng ý thỏa thuận lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 19/5/2021 tại Phòng Công chứng số 1 nêu trên. Vì vậy, văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 19/5/2021 là giả tạo che dấu nội dung khác mục đích phân chia di sản thừa kế của cụ H4 và cụ H3.

Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Luật Công chứng quy định: “2. Trường hợp người yêu cầu công chứng không đọc được, không nghe được, không ký, điểm chỉ được hoặc trong những trường hợp khác do pháp luật quy định thì việc công chứng phải có người làm chứng.

Người làm chứng phải là người từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không có quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ liên quan đến việc công chứng.

Người làm chứng do người yêu cầu công chứng mời, nếu người yêu cầu công chứng không mời được thì công chứng viên chỉ định”.

Xét thấy, ngày 31/8/2021 tại Phòng công chứng Phú Thọ, cụ H3 lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông T3 và bà M thửa đất số 160, tờ bản đồ 24 diện tích 218,1m²; cụ H3 là người không biết chữ, chỉ viết chữ Hiền, điểm chỉ, tuy nhiên Phòng Công chứng số 1 không mời người làm chứng là không đúng theo quy định của Luật công chứng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T1 hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 803407 ngày 05/10/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 160, tờ bản đồ 24, diện tích 218,1m² đứng tên ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Vũ Thị Thanh M là có căn cứ; ông T3 kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm, ông T3 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của ông T3. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc T3, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp cần chấp nhận.

[3]. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc T3 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc T3; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2024/HC-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Ngọc T3 phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0000333 ngày 23/8/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Bình

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Hồng Sơn

Trần Quang Minh

Lê Thị Thúy Bình